

ÔN NHIỆT BỆNH BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ

Ôn nhiệt bệnh hay là bệnh sốt thời khí (dịch) là một loại sốt do ngoại cảm lục dâm (6 thứ khí quá mạnh), lệ khí (gió độc gây dịch), đặc trưng chủ yếu của bệnh là phát sốt, tức là bao gồm cả sốt lây lan và sốt cấp tính. Biện chứng của bệnh sốt thời khí trong tài liệu xưa để lại có 3 loại: Lục kinh, Tam tiêu và Vệ khí doanh huyết. Có tài liệu dài, có tài liệu ngắn, lấy biện chứng thường dùng là biện chứng Vệ khí doanh huyết làm chính, và kết hợp với một phần nội dung của Lục kinh, Tam tiêu biện chứng để giới thiệu.

VỆ, KHÍ, DOANH, HUYẾT BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ

Vệ, Khí, Doanh, Huyết vốn là một bộ phận công năng kết cấu bình thường của cơ thể con người, nhưng sau khi mắc bệnh sốt thì vệ khí doanh huyết đều cùng phát sinh những cải biến tương ứng với bệnh lý, theo một quy hoạch nhất định. Bởi vậy, người ta dùng Vệ, khí, doanh, huyết khái quát thay cho những loại hình chứng ở 4 giai đoạn khác nhau của bệnh sốt thời khí. Nó chỉ ra mức độ nông sâu, tình trạng nặng nhẹ của bệnh, mức tiến thoái trong quá trình phát triển bệnh sốt thời khí, và cách chữa bệnh sốt thời khí cũng dựa vào đó. Vì thế, giảng về hàm nghĩa của vệ, khí, doanh, huyết ở đây với hàm nghĩa của vệ, khí, doanh, huyết trên sinh lý có khác nhau.

A. Biện chứng luận trị của Vệ, khí, doanh, huyết có 4 đặc điểm

- 1. Biện chứng nơi có bệnh biến:** Phần vệ của bệnh sốt thời khí tương đương với phần biểu của bát cương biện chứng; bệnh phần khí, doanh, huyết tương đương với lý chứng của bát cương biện chứng. Bệnh phần vệ thường xâm phạm phế vệ, tứ chi, đầu mặt, hầu họng; bệnh phần khí thường xâm phạm phế, tỳ, vị, đại trường, đởm; bệnh phần doanh thường xâm phạm tâm và can; bệnh phần huyết thường xâm phạm tâm, can, thận.
- 2. Phân chia trình độ và giai đoạn bệnh:** Bệnh sốt thời khí được đem chia ra làm 4 giai đoạn: Vệ, Khí, Doanh, Huyết.
 - Đặc trưng của **bệnh phần vệ** là phát sốt, sợ lạnh, đau đầu, rêu lưỡi trắng, mỏng, mạch phù hoặc sắc.
 - Đặc trưng của **bệnh phần khí** là sốt cao, không sợ lạnh, ra mồ hôi, miệng khát, đòi uống, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch hồng, sắc, hoặc trầm, thực.
 - Đặc trưng của **bệnh phần doanh** là sốt về đêm nhiệt độ càng cao, bứt rứt, thần chí nửa mê chìm, nói mê, miệng không khát lắm, hoặc ở da có nốt ban chìm, lưỡi đỏ tía, không rêu hoặc ít rêu, mạch tế, sắc.
 - Đặc trưng của **bệnh phần huyết** là trên cơ sở đặc trưng bệnh ở phần doanh lại thấy thần chí không rõ ràng hoặc múa may lung tung, phát cuồng, da dễ nổi rõ ban chẩn, có khi thấy thổ huyết, đại tiểu tiện ra máu, đó là chứng của huyết, lưỡi đỏ thẫm hoặc tím, không rêu, mạch trầm, tế, sắc.

3. Nhận thức quy hoạch chuyển biến

Phát sinh bệnh sốt thời khí thường bắt đầu từ phần vệ, sau đó chuyển dần sang phần khí, phần doanh, rồi phần huyết. Tức là từ biểu sang lý, từ nhẹ đến nặng. Đây là chuyển biến tuần tự theo lẽ bình thường. Có khi bệnh xuất hiện không tuần tự như thế, mà lại phát sinh ngay ở phần khí, phần doanh, thậm chí ngay ở phần huyết mà ra, đó là do tà phục ở trong phát ra (phục tà nội phát). Hoặc bệnh từ phần vệ trực tiếp chuyển thẳng sang phần doanh, phần huyết, mà bệnh vẫn còn ở phần vệ, phần khí, tức là vệ khí, doanh, huyết đồng bệnh (bệnh cùng một lúc). Nói chung các loại như thế đều lấy sức đề kháng của cơ thể làm quyết định, phản ứng với tính chất của bệnh tà, có khi không có quan hệ gì với việc chữa chạy và chăm sóc.

4. Xác định phương pháp chữa

Bệnh phần vệ, nên giải biểu, bệnh phần khí nên thanh khí (làm cho khí mát, sạch), bệnh phần doanh nên thanh doanh (làm cho doanh khí mát, sạch), bệnh phần huyết nên lương huyết, giải độc (làm mát huyết, làm cho máu hết chất độc).

B. Biện chứng trị liệu các giai đoạn của bệnh sốt thời khí (vệ, khí, doanh, huyết)

1. Bệnh phần Vệ

Bệnh phần vệ là giai đoạn đầu của bệnh sốt thời khí, đặc trưng của nó là phát sốt, sợ lạnh, đau đầu, đau mình, rêu lưỡi mỏng trắng, mạch phù. Do bệnh phát ở lúc giao các mùa (tiết, quý cuối xuân đầu hạ, cuối hạ đầu thu, cuối thu đầu đông, cuối đông đầu xuân), do tính chất bệnh tà và phản ứng của mỗi cơ thể có khác nhau, nên bệnh ở phần vệ chia ra làm 5 loại hình như sau:

a. Phong ôn biểu chứng

Chủ chứng: Có đặc trưng của bệnh ở phần vệ nhưng phát sốt nặng, sợ gió nhẹ, kèm có tắc mũi, chảy nước mũi, ho, miệng hơi khát, ven đầu lưỡi hồng, mạch phù sác.

Bệnh lý: Chứng bệnh hay phát ở 2 mùa đông, xuân, do ôn phong (gió ấm) ngoại tà xâm phạm vào phế vệ mà phát bệnh. Ôn tà thuộc nhiệt làm cho phát sốt rất nặng, ven đầu lưỡi hồng, mạch sác. Nhiệt tà thương tân dịch, làm miệng khát, tương đương với biểu nhiệt trong bát cương biện chứng.

Phép chữa: Tân lương giải biểu, thường dùng *Ngân kiều tán*.

Gia giảm:

- Sợ lạnh nhẹ (ít) thì dùng ít ở các vị *Kinh giới, Đạm đậu xị*.
- Phát sốt nặng thì dùng nhiều thêm ở các vị *Kim ngân hoa, Liên kiều*.
- Miệng khát, dùng thêm *Thiên hoa phấn*.
- Ho rõ rệt, thêm *Khổ hạnh nhân*, hoặc đổi dùng *Tang cúc ẩm*.
- Chảy máu mũi, ho ra máu là nhiệt làm tổn thương huyết lạc, phế lạc, thì bỏ *Kinh giới, Đạm đậu xị*, gia *Mao căn, Sơn chi tử, Thiến thảo căn*.

- Đau họng sưng cổ, trước và sau tai sưng là kiêm ôn độc, dùng *Mã bột, Huyền sâm, Bản lam căn*.
- Ngực cách tức, buồn bần là có nội thấp, gia *Hoắc hương, Uất kim*.
- Nếu thấy có nốt ban đỏ ở da, phát sốt cao, thì bỏ *Kinh giới, Đạm đậu xị, Bạc hà*, thêm *Sinh địa, Đại thanh diệp*.

Thời kỳ đầu các bệnh cảm cúm, cảm mạo, viêm kết mạc cấp, viêm a-mi-đan cấp tính, viêm phế quản cấp tính, viêm quai bị do dịch, viêm màng não cấp, biểu hiện có phong ôn biểu chứng, có thể theo phép này mà chữa.

b. Thử ôn biểu chứng

Chủ chứng: Có đặc trưng của bệnh ở phần vệ, nặng mình khó chịu ở bụng trên, không có hoặc có ít mồ hôi, rêu lưỡi trắng trơn, chất lưỡi hồng, mạch nhu, sác.

Bệnh lý: Chứng này thường phát sinh vào mùa hạ, ngày hạ nóng nực, bị say nắng, khi uống nước mát lạnh, ngồi đón gió mát, làm cho cái nóng bị hàn thấp lẫn át mà thành bệnh. Hàn uất ở cơ biểu thì sợ lạnh, không có mồ hôi; thử là hoả tả, làm phát sốt mà mạch nhanh (sác); thử thương tân dịch, chất lưỡi hơi hồng, thử hay kiêm thấp, làm nặng mình, đau bụng trên, mạch nhu.

Phép chữa: Giải biểu, thanh thử, thường dùng *Tân gia hương nhu ẩm*.

Thời kỳ đầu các bệnh cảm cúm, cảm mạo, viêm não Nhật bản có biểu hiện của chứng này, theo phép này mà chữa.

c. Thấp ôn biểu chứng

Chủ chứng: Có đặc trưng của bệnh phần vệ, kiêm có thấy đầu trướng nặng, chân tay nặng nề, khớp xương đau buốt, rêu lưỡi trắng trơn, mạch hoãn.

Bệnh lý: Chứng này thường phát về mùa mưa, do thấp nhiệt tà xâm phạm phần vệ mà thành bệnh, tính của thấp là nặng, dính trệ, cho nên thấy đầu trướng, mình mẩy nặng nề, rêu lưỡi trắng trơn.

Phép chữa: Giải biểu hoá thấp, thường dùng *Tam nhân thang* gia *Hoắc hương, Bội lan*.

Thời kỳ đầu của các bệnh thương hàn ruột, viêm gan lây lan, bệnh xoắn trùng vùng da, viêm nhiễm hệ tiết niệu, cảm cúm, cảm mạo, có biểu hiện thấp ôn biểu chứng, có thể theo phép này biện chứng trị liệu.

d. Thu táo biểu chứng

Chủ chứng: Có đặc trưng của bệnh ở phần vệ, kiêm có ho khan, miệng khô, họng khô, mũi khô, rêu lưỡi trắng mỏng mà khô, mạch phù mà tế.

Bệnh lý: Chứng này thường phát ở mùa thu, do táo tà xâm nhập vào phế vệ mà phát bệnh. Táo tà rất dễ thương phế, thương tân, cho nên thấy ho khan, miệng khô, họng khô, mũi khô. Thu táo trong đó thấy sợ lạnh rất nặng, mạch phù mà khẩn, thì gọi là “lương táo”; phát sốt rất nặng, miệng khát, mạch phù mà sác, gọi là “ôn táo”.

Phép chữa:

- Lương táo, nên tán hàn giải biểu, tuyên phế nhuận táo, thường dùng Hạnh tô tán.
- Ôn táo, nên tân lương giải biểu (dùng vị cay mát giải biểu), tuyên phế nhuận táo, thường dùng Tang hạnh thang.
- Lương táo, ôn táo chuyển vào khí phần, đều có thể hoá làm táo nhiệt, chữa thì nên thanh phế nhuận táo, thường dùng Thanh táo cứu phế thang.
- Thời kỳ đầu của các bệnh cảm cúm, cảm mạo, bại liệt trẻ em, bạch hầu, có biểu hiện chứng trạng đúng như thế này, có thể theo phép này mà chữa.

đ. Phong hàn biểu chứng

Chứng này tương đương với biểu hàn chứng trong bát cương biện chứng, cũng là bệnh “Thái dương” trong lục kinh biện chứng. Thường phát vào lúc mùa đông lạnh lẽo, do tà khí của phong hàn xâm lấn vào vệ biểu gây nên.

Phép chữa: Nên tân ôn giải biểu

Biểu hàn thực chứng dùng *Ma hoàng thang* hoặc *Kinh phòng giải biểu thang*.

Biểu hàn hư chứng dùng *Quế chi thang* để điều hoà vệ biểu.

Bệnh cảm cúm, cảm mạo mà thấy xuất hiện chứng trạng biểu hàn, đều có thể theo phép này mà chữa.

e. Trong 5 loại hình kể trên, thường thấy là phong ôn biểu chứng, rêu lưỡi từ trắng chuyển sang vàng, là tiêu chí chủ yếu của bệnh từ vệ phần chuyển vào khí phần. Thủ ôn biểu chứng (không hiệp với hàn tà) chuyển biến rất nhanh, cho nên bệnh ở vệ phần thường thường rất ngắn thời gian; thứ đó là phong ôn, thấp ôn, thu táo; chuyển biến rất chậm là phong hàn biểu chứng.

2. Bệnh phần khí

Bệnh phần khí là giai đoạn 2 của bệnh sốt thời khí. Đặc trưng của nó là sốt rất cao, không có sợ lạnh, miệng khát, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch sắc. Bệnh tà xâm nhập vào khí phần, tà khí thịnh mà chính khí cũng thịnh, khí hữu dư sẽ là hoả, cho nên xuất hiện chứng nhiệt ở khí phần. Trừ thấp ôn ra, các loại bệnh hình ở phần vệ, sau khi chuyển vào phần khí đều hoá làm nhiệt chứng ở khí phần, có thể không phải phân chia ra phong, hàn, hương, táo.

Bệnh ở khí phần, trên lâm sàng thường thấy 6 loại hình:

a. Khí phần nhiệt thịnh (nhiệt tại khí phần)

Chủ chứng: Có đủ đặc trưng của bệnh ở khí phần, kèm có xuất hiện sốt cao, khát nhiều, mồ hôi nhiều, mạch hồng, đại, rêu lưỡi vàng khô, mặt đỏ, có người bệnh có nói nhảm lung tung và co quắp.

Bệnh lý: Chứng này là khí phần nhiệt thịnh, cho nên sốt cao mà mặt đỏ, nhiệt ở lý có tân thì ra nhiều mồ hôi. Sốt cao ra nhiều mồ hôi thì rất khát, lưỡi vàng khô. Nhiệt nhiều ở tâm thần thì nói mê nhảm, nhiệt cực sinh phong thì co quắp (sốt cao co giật).

Phép chữa: Thanh nhiệt sinh tân, thường dùng *Bạch hổ thang*.

Gia giảm:

- Nếu có kèm tức ngực nặng mình, khát nhưng uống không nhiều, rêu lưỡi trơn là kiêm có thấp trọc, phải dùng thêm những vị thuốc thơm tho hoá thấp như Bội lan, Hoắc hương. Có nói nhảm thì thêm vào Liên kiều, Mạch đông, lá tre non cuộn trong nõn. Có co quắp thì thêm vào Địa long, Câu đằng.
- Nếu tà nhiệt đại thịnh, mồ hôi ra nhiều, mà thấy miệng khát, mạch hồng đại mà vô lực là nhiệt thương tâm khí, có thể dùng những vị thuốc ích khí sinh tân như Tây dương sâm, Hải nhi sâm, hoặc đổi dùng Vương thị thanh thử ích khí thang.

Bệnh cảm cúm, viêm não Nhật bản B thường xuất hiện chứng này, có thể theo phép này mà chữa.

b. Đàm nhiệt trở phế (đàm nhiệt vây ở phế)

Chủ chứng: Có đủ đặc trưng bệnh ở khí phần, kiêm thấy ho hắng, đau ngực, đờm vàng đặc, khí suyễn, mạch hoạt, sác.

Bệnh lý: Chứng này là tà nhiệt thương phế, nung đốt tân dịch mà thành đờm vàng. Đàm nhiệt vương ở phế, phế mất tuyên giáng (mất sự thông xuống) thì ho hen đau ngực.

Phép chữa: Thanh phế tiết nhiệt, hoá đàm bình suyễn. Thường dùng *Ma hạnh thạch cam thang* gia *Ngưu bàng tử, Đông qua nhân, Liên kiều, Hoàng cầm*.

Gia giảm: Miệng khát, gia *Lô căn, Thiên hoa phấn*, tiện bí bụng trướng thì gia *Đại hoàng, Qua lâu nhân*.

Bệnh viêm phế quản cấp tính, viêm lá phổi, có biểu hiện chứng này có thể theo phép này mà chữa.

c. Vị thường thực nhiệt (nhiệt tại trường vị)

Chủ chứng: Sốt cao hoặc sốt về chiều, đại tiện bế kết hoặc ỉa chảy vàng, hôi, nước lỏng, vùng bụng trướng đầy, bụng đau sợ sờ, phiền thao (chân tay vật vã) nói mê nhảm, chân tay nhiều mồ hôi, chất lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng khô, hoặc đen như than đậm nhọn lên, mạch trầm, sác, hữu lực.

Bệnh lý: Chứng này là tà nhiệt vào lý cùng kết với tích trệ mà thành vị trường thực nhiệt. Lý nhiệt thịnh thì tân dịch thương, sẽ sốt cao hoặc sốt về chiều, chân tay nhiều mồ hôi, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng khô hoặc đen như than mà nhọn gai lên. Nhiệt nhiều tâm thần thì nói nhảm; táo, phân kết lại ở trong ruột, thì vùng bụng trướng tức, bụng đau mà sợ sờ nắn, hoặc đại tiện bí kết, hoặc ỉa chảy nước lỏng vàng hôi.

Phép chữa: Tả hạ hết nhiệt, thường dung *Đại thừa khí thang*.

Gia giảm:

- Bụng trướng đau rất nặng, thêm dùng lượng nhiều ở vị Chỉ thực, Hậu phác.
- Đại tiện táo kết, thêm lượng dùng nhiều ở vị Đại hoàng, Mang tiêu.
- Miệng khô lưỡi táo nặng, thêm Sinh địa hoàng, Mạch đông.

Nói chung uống 1 – 2 thang, đạt được đi ỉa rồi, sẽ cải biến phép chữa theo chứng mà dùng thuốc.

Thời kỳ giữa và thời kỳ cực thịnh của cảm cúm, viêm não Nhật bản B nếu thấy xuất hiện chứng này, có thể theo phép này mà chữa.

d. Khí phần thấp ôn (lý nhiệt hiệp thấp, thấp nhiệt nội uất)

Chủ chứng: Có đủ đặc trưng bệnh ở khí phần, kèm có mình nặng, ngực tức, bứt rứt, vùng bụng trướng đầy, khát không muốn uống, tinh thần nhạt nhẽo, lạnh lẽo, nặng tai, tiểu tiện ngắn mà rít, đại tiện không sượng, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng trắng dày trơn, mạch huyền, hoãn. Có thể có kèm ỉa chảy hoặc da phát vàng, nốt chần hồng, bạch ám, hoặc xuất hiện thần mờ tối, nói nhảm mê.

Bệnh lý: Chứng này do thấp nhiệt vướng trệ ở khí phần gây ra, Bạch ám là nốt chần mờ hôi, là những hạt nhỏ xuất hiện trên mặt da như những nốt rôm trắng mà trong suốt, do thấp nhiệt uất ở trong, mờ hôi ra không thông mà sinh ra, thường xuất hiện ở da vùng gáy cổ, ngực bụng, phán đoán tiên lượng thì bạch ám lẩy bọ nước no đầy sáng sủa là thuận, khô khan mà tối như than là nghịch. Thần mờ tối nói nhảm mà lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng trắng dày trơn là thấp nhiệt hiệp với đàm trọc, che mờ tâm khiếu gây ra, nó khác với hôn mê do nhiệt nhập tâm bào.

Phép chữa: Thanh khí, hoá thấp, thường dùng *Cam lộ tiêu độc ẩm*.

Gia giảm:

- Nếu có sốt to, miệng khát, là nhiệt nhiều thấp ít, có thể thêm Thạch cao, Tri mẫu.
- Nếu phát sốt không cao, miệng không khát, là thấp nhiều nhiệt ít, có thể thêm Bội lan, Bạch khấu nhân.
- Nếu vàng da, có thể thêm Nhân trần, Kê cốt thảo, Đền cơ hoàng.
- Lị tật có thể dùng đổi bằng Cát căn cầm liên thang.
- Có thần mờ tối, nói mê nhảm, có thể đổi dùng Xương bồ uất kim thang (Thạch xương bồ, Uất kim, Sao Sơn chi, Liên kiều, Cúc hoa, Hoạt thạch, Đan bì, Đạm trúc diệp, Ngưu bàng tử, Trúc lịch, Sinh khương trấp, Ngọc khu đan), để thanh nhiệt, hoá thấp, trừ đờm khai khiếu.

Bệnh thấp ôn rất kéo dài, bệnh tình phức tạp, chứng đàm cũng rất nhiều, thấp là âm tà, tính của nó dính vướng, dễ Thương dương khí, khi chữa nói chung không thể dùng quá vị thuốc hàn lượng hoặc dùng lầm vị thuốc bổ béo.

Bệnh thương hàn ruột, bệnh xoắn trùng vàng da, viêm gan lây lan, khuẩn lỵ cấp tính, có biểu hiện chứng thấp ôn ở khí phần có thể theo phép này mà chữa.

d. Khí vệ đồng bệnh

Chủ chứng: Có đủ đặc trưng của bệnh khí phần, đồng thời lại có sợ lạnh đau mình của chứng bệnh ở vệ phần gọi là khí vệ đồng bệnh, là biểu tà chưa giải lại chuyển vào khí phần. Trong Đông y thường nói: “Có một phần sợ lạnh, sẽ có một phần biểu chứng.” Điều đó cũng chỉ rõ là ý nghĩa trọng yếu trên chẩn đoán biểu chứng.

Phép chữa: Khí vệ đồng bệnh, chữa thì dùng phép giải biểu thanh khí. Nếu người bệnh cảm cúm, biểu hiện lâm sàng có chứng trạng biểu nhiệt và lý nhiệt, có thể dùng *Bạch hồ thang* hợp với *Ngân kiều tán*. Nếu có biểu hiện chứng trạng là biểu hàn lý nhiệt, có thể dùng *Sài cát giải cơ thang* (*Sài hồ, Cát căn, Khương hoạt, Bạch chỉ, Hoàng cầm, Bạch thược, Cát cánh, Cam thảo, Thạch cao, Sinh khương, Đại táo*), đó là phương pháp biểu lý song giải.

e. Bán biểu bán lý

Chủ chứng: Hàn nhiệt vắng lai, ngực sườn đầy tức, quận bụng trên (ác tâm), ăn uống không biết ngon, tâm bứt rứt, miệng đắng, họng khô, mắt hoa, râu lưỡi trắng, mạch huyền.

Bệnh lý: Chứng này là bệnh tà xâm phạm đảm kinh, tà và chính giao tranh ở nơi giữa biểu và lý gây ra. Nguyên là Thiếu dương của Lục kinh biến chứng.

Phép chữa: Nên dùng phép hoà giải, thường dùng *Hàm vị Tiểu sài hồ thang* (*Sài hồ, Hoàng cầm, Pháp bán hạ, Cam thảo, Sinh khương*).

Gia giảm:

- Miệng khát, bỏ Bán hạ, gia Thiên hoa phấn, Trúc nhự.
- Hàn nhiều gia Quế chi.
- Nhiệt nhiều gia Hoàng liên.
- Nếu kiêm có tiện bí, bụng trường đau, có thể đổi dùng Đại sài hồ thang.

Bệnh cảm cúm, viêm đường mật, sốt rét, có biểu hiện chứng này, đều có thể theo phép này mà chữa. Bệnh sốt rét lại có thể đối chứng xử phương thêm vào *Thường sơn, Thảo quả*.

3. Bệnh phần doanh

Bệnh phần doanh, nói chung do khí phần hoặc vệ phần chuyển đến, nhưng cũng có khi phát bệnh là ở ngay doanh phần, chữa kịp thời có thể thấu nhiệt, chuyển ra khí phần. Bệnh doanh phần tiến tới xâm phạm tâm và can, có thể xuất hiện chứng trạng nhiệt nhập tâm bào và nhiệt động can phong.

a. Bệnh doanh phần (nhiệt tại doanh phần, nhiệt nhập doanh phần)

Chủ trưng: Phát sốt về chiều, về đêm rất cao, miệng không khát lắm, vật vã không yên, hoặc nói nhảm mê, hoặc xuất hiện ban chẩn chìm ẩn, lưỡi đỏ tía không rêu, mạch tế, sác.

Bệnh lý: Chứng này là tà nhiệt nhập doanh, doanh âm bị tổn, cho nên phát sốt về đêm rất cao, lưỡi đỏ tía không rêu, mạch tế, sác. Nhiệt chưng (nung nấu) doanh âm thăng lên trên, cho nên không khát lắm. Nhiệt nhiễu tâm thần, thì vật vã không yên hoặc nói mê nhảm. Nhiệt nhập mạch lạc thì ban chẩn ẩn nấu.

Phép chữa: Thanh doanh tiết nhiệt, thường dùng *Thanh doanh thang*.

Bệnh viêm não Nhật Bản B, viêm não tủy lây lan, và các loại viêm nhiễm nghiêm trọng khác có biểu hiện chứng là doanh phần, đều có thể theo phép này mà chữa.

b. Vệ doanh đồng bệnh: (doanh nhiệt kiêm biểu chứng)

Chủ trưng: Bệnh doanh phần kiêm có đau đầu, đau mình, sợ lạnh, là những chứng của phần vệ, gọi là doanh vệ đồng bệnh.

Phép chữa: Dùng phép thanh doanh tiết nhiệt kiêm tân lương giải biểu. Thường dùng *Thanh doanh thang* hợp với *Ngân kiều tán*.

c. Khí doanh đồng bệnh

Chủ trưng: Bệnh doanh phần, nếu xuất hiện chứng khí phần và lưỡi đỏ tía, mà có rêu lưỡi vàng trắng, sẽ là khí doanh đồng bệnh.

Phép chữa: Nên thanh khí lương doanh, thường dùng *Bạch hổ thang* hợp với *Thanh doanh thang* gia giảm.

d. Nhiệt nhập tâm bào

Chủ trưng: Ngoài việc có đủ đặc trưng của bệnh phần doanh, kèm thêm có các mức độ khác nhau của ý thức bị trở ngại, như biểu hiện tình cảm lạnh nhạt, tiếng nói rít rít (nói khó), phản ứng chậm chạp, nghe không thật, nhìn thấy không thật, sờ mó chỗ không có gì, và mê mẫn giương chiếu, thần mờ tối nói nhảm, thậm chí hôn mê sâu, đại tiểu tiện không cảm, lưỡi đỏ tía, mạch hoạt, tế, sác, có người bệnh có thể thấy co quắp.

Bệnh lý: Chứng này do nhiệt tà xâm lấn vào tâm bào, vướng bí tâm khiếu gây nên, cũng có thể gọi là "Bé chứng".

Phép chữa: Thanh doanh tiết nhiệt; thanh tâm khai khiếu. Thường dùng *Thanh doanh thang* gia *Tử tuyết đan*, hoặc gia *An cung ngưu hoàng hoàn*, hoặc *Chí bảo đan*.

Gia giảm: Có co quắp, có thể gia *Địa long*, *Câu đằng*, *An cung ngưu hoàng hoàn*, *Tử tuyết đan*, *Chí bảo đan*, đều có tác dụng thanh tâm, khai khiếu. Tác dụng thanh tâm của *Ngưu hoàng hoàn* là rất mạnh, sau đó đến *Tử tuyết đan*, *Chí bảo đan* rất yếu. Tác dụng khai khiếu thì *Chí bảo đan* rất mạnh, sau đó đến *Ngưu hoàng hoàn*, *Tử tuyết đan*. Ngoài ra, cái lớn nhất của *An cung Ngưu hoàng hoàn* là hóa đau giải độc. *Tử tuyết đan* lại có thể chặn có giật dẹp phong. Nhưng những thuốc đó rất quý, tình trạng chung là không thể dùng được (quá đắt), mà thường thay bằng cách trong thang thuốc thanh nhiệt liệu chừng thêm *Thạch xương bồ*, kèm phối hợp châm chích (biện pháp đỡ tốn kém nhất).

Các loại bệnh viêm não, viêm não màng, nhiễm trùng máu, và ngộ độc khuẩn lỵ, say nắng, có biểu hiện chứng nhiệt nhập tâm bào, đều có thể theo phép này mà chữa.

d. Nhiệt động can phong (nhiệt cơ sinh phong)

Chủ trưng: Sốt cao, vật vã không yên, co quắp, hoặc tứ chi cong co, cứng gáy, uốn ván, lưỡi lệch, lưỡi rung, mạch huyền, sác, chất lưỡi hồng (thuộc khí phần), hoặc đỏ tía (thuộc doanh phần), có khi kèm hôn mê.

Các chứng đó có thể xuất hiện ở khí phần, hoặc doanh phần, huyết phần, nhưng thường thấy nhất là ở doanh phần, huyết phần.

Phép chữa: Thanh nhiệt tức (dẹp) phong, nhằm vào chứng của bệnh ở khí phần, hoặc doanh phần, huyết phần, rồi thêm vào đó các vị thuốc thanh nhiệt dẹp phong như: *Địa long, Câu đằng, Bạch cúc hoa, Bạch thược, Cửu can thái (rau gan chó), Tượng nha ti, Chi kinh tán v.v...*

Viêm não, viêm màng não và các loại bệnh truyền nhiễm có phát kèm bệnh trúng độc não mà có biểu hiện những chứng nêu trên, đều có thể theo phép này mà chữa.

4. Bệnh phần huyết

Bệnh phần huyết là giai đoạn nguy kịch của bệnh sốt nóng, lúc này bệnh tà mới thịnh mà chính khí đã suy.

a. Bệnh huyết phần (nhiệt tại huyết phần)

Chủ trưng: Sốt cao, xuất huyết như thổ huyết, lạc huyết, nục huyết, niệu huyết, tiện huyết (nôn ra máu, ho ra máu, chảy máu mũi, đái ra máu, ỉa ra máu), ở da xuất hiện ban chẩn tím đen, nói nhảm hoặc thần mờ tối, co quắp, chất lưỡi tím tía, không rêu, mạch tế, sác.

Bệnh lý: Chứng này là tà nhập vào huyết phần, huyết nhiệt tích thịnh cho nên sốt cao, chất lưỡi tím tía không rêu, mạch tế, sác. Nhiệt tà áp huyết vọng hành, hoặc ban chẩn hiện rõ. Nhiệt nhiều tâm thần, thì múa may lung tung và nói nhảm, hoặc thần mờ tối. Nhiệt cực sinh phong thì co quắp.

Phép chữa: Lương huyết, thanh nhiệt giải độc, thường dùng *Tê giác địa hoàng thanh*, (*tê giác* có thể thay bằng 1-2 lượng *sừng trâu*).

Gia giảm:

- Xuất huyết nhiều, gia Hạng liên thảo, Tiên hạc thảo, Tử châu thảo.
- Xuất ban chẩn tím đen, gia Huyền sâm, Đại thanh diệp.
- Nếu lưỡi đỏ tía, tím chàm, kèm có đau bụng hoặc đau ngực, sợ sờ, vật vã không yên, là huyết nhiệt hiệp với ứ, cần dùng phương trên thêm vào trong phép đó một ít thuốc khử ứ hoại huyết, như Đào nhân, Đan sâm...

Ban và chẩn đều là một loại ban và chấm màu hồng xuất hiện ở bề mặt da, ban chẩn lấy hồng nhuận, giã nổi, mỏng, thưa là thuận. Nếu tím tối, nhanh chóng, dày kín là nghịch.

Ban chẩn tím đen mờ tối, áp vào mà màu không bớt đi, kèm thêm có lưỡi đỏ tía, là tiêu chí của bệnh tà nhập huyết.

Bệnh thương hàn ruột, lao phổi hình hạt dẻ, bệnh xoắn trùng, nhiễm trùng máu, tổng hợp các loại xuất huyết, đều có thể theo phép này mà chữa.

b. Biểu lý nhiệt độc (nhiệt độc nội thịnh)

Chủ trưng: Rét đánh với sốt cao, đau đầu dữ dội, nhìn vật mờ dính, toàn thân đau dữ dội, hô hấp khó khăn, vật vã không yên, nói nhảm, múa may, thậm chí thần trí không rõ ràng hoặc co quắp, có thể kèm thổ huyết, lỵ huyết, mủ huyết hoặc niệu huyết, tiện huyết xuất hiện ban chẩn tím đen ở da, lưỡi đỏ tía, rêu lưỡi vàng khô nhọn lên, mạch hồng đại sác, hoặc trầm tế mà sác, chứng này thường do sốt dịch nhiệt độc rất nhiều ở biểu lý, vệ khí, doanh huyết đều có bệnh gây nên.

Phép chữa: Thanh giải biểu lý khí huyết nhiệt độc, thường dùng *Thanh ôn bại độc ẩm*.

Gia giảm: Người bệnh mạch càng trầm tế là biểu thị nhiệt độc hãm càng sâu, dùng tế lượng càng cần phải thêm lớn.

Khí huyết lưỡng phiên (bị đốt cả hai) là nhiệt độc ở khí phần và huyết phần, chứng thấy sốt cao, miệng khát, phát ban hoặc nọc huyết, lưỡi đỏ tía, rêu vàng, mạch sác hoặc tế, chữa thì có thể tham khảo phép này, hoặc dùng *Ngọc nữ tiến gia giảm* (bỏ *Ngưu tất*, *gia Tế Sinh địa*, *Huyền sâm*).

Chứng nhiễm trùng máu, chảy mủ não, bệnh xoắn trùng và các bệnh truyền nhiễm nặng khác thấy xuất hiện chứng kể trên, có thể theo phép này mà chữa.

5. Bệnh sốt thời khí thương âm, Thương dương

Bệnh sốt thời khí rất dễ tổn thương âm dịch, nhẹ là thương tân, nặng thì thương âm, thậm chí vong âm (mất nước), lúc chữa phải chú ý bảo hộ và nuôi dưỡng âm dịch từng giờ từng phút, cho nên nói "Còn được một phần âm dịch, tiện có một phần sinh cơ" (Tồn đắc nhất phần âm dịch, tiện hữu nhất phần sinh cơ).

Phương pháp bảo hộ tân dịch nói chung là ở phần vệ, không nên để ra mồ hôi quá nhiều, ở phần khí (vị trường thực nhiệt), nên hạ nhanh chóng (làm cho đi ỉa được ngay), không thấy hình ảnh của thấp, phải cẩn thận khi dùng thuốc khổ táo, ôn táo, (thuốc khô đắng, khô nóng).

Phương pháp xử lý chứng đó như sau:

a. Thương tân

Có thể thấy khi bệnh ở phần vệ, phần khí, biểu hiện là miệng khô, miệng khát, nước bọt trong miệng dính liền như tơ, rêu lưỡi khô, mạch sác, có thể thấy ở người bệnh sốt cao mất nước. Chữa thì nên đối chứng, trong phương thêm vào những vị thuốc sinh tân như *Lô căn*, *Thiên hoa phấn*, *Lê bì*, *Cam yển tráp*. Sốt đã lùi nhưng miệng khô lưỡi táo, ăn uống không ngon hoặc ho khan, có thể dùng *Ích vị thanh* (*Sa sâm*, *Mạch động*, *Sinh địa*, *Ngọc trúc*, *Đường phèn*), hoặc *Sa sâm mạch đông thang*.

b. Thương dịch

Thường thấy ở cuối kỳ bệnh ở phần huyết, người bệnh biểu hiện là gầy mòn, mặt đỏ mình nóng, lòng bàn tay, bàn chân càng nóng, miệng khô lưỡi táo, răng bản môi nứt, họng đau tai ù, lưng đau gối mềm, chân sưng, lưỡi đỏ tía mà khô quắt, mạch tế, sắc, vô lực, đúng là chứng của chân âm hao tổn. Có khi có kèm theo tim hồi hộp, tim hoảng hốt, nhiều mồ hôi dễ sợ, mạch kết, đại là mạch chứng của tâm hư tổn (có thể thấy ở chứng viêm cơ tim), có khi kèm theo tay chân rung động, cong cơ, lưỡi rung, là những chứng của âm hư phong động (như di chứng sau viêm não Nhật Bản B). Thương âm thì nên tư âm, thường dùng *Phục mạch thang* để chữa. Nếu kèm có chứng tâm mạch hư tổn và âm hư phong động, có thể dùng *Tam giác phục mạch thang*. Nếu như đêm sốt ngày mát, có thể ăn mà vẫn gầy mòn là tà còn lưu ở âm phần, có thể dùng *Thanh cao miết giác thang* để tư âm thanh nhiệt.

c. Vong âm

Có thể phát sinh do chân âm đã bị thương mà tà nhiệt không lưu, hoặc phát hãn nhầm, tả hạ nhầm (dùng nhầm thuốc làm ra quá nhiều mồ hôi, ỉa tháo quá nhiều), âm dịch bị mất đi mà phát sinh ra. Biểu hiện là mình nóng mà nhiều mồ hôi, mồ hôi mặn không dính, mặt hồng, miệng khô khát, thường có chảy máu chân răng. Lưỡi đỏ tía mà khô quắt, mạch hư sắc và vô lực. Thường thấy ở cuối kỳ của bệnh truyền nhiễm chứng nặng. Nên cấp tốc uống *Gia giảm phục mạch thang* gia *Cát lâm sâm, Long cốt, Mẫu lệ, Đờng tiện* (nước tiểu con trai nhỏ lấy ở đờng trẻ dưới 5 tuổi, đoạn giữa bãi, có tác dụng tư âm giáng hỏa, lương huyết tán ú), là những thuốc tư âm ích khí, liễm hãn cố thoát.

d. Vong dương

Có thể phát sinh do nhiệt độc trầm trọng ở khí phần, doanh phần hoặc huyết phần, tà thịnh chính hư phát triển mà thành. Người bị phát sốt đột nhiên mồ hôi ra nhiều dầm dề, mồ hôi lạnh như dầu, mồ hôi nhạt dính nhầy, chân tay quyết, thân lạnh, hơi thở nhỏ yếu, lưỡi màu nhạt trắng, nhuận, mạch nhỏ như mất, đó là chứng vong dương. Đó là dương khí đột nhiên mất đi, biểu hiện sinh mạng chịu nguy. Vong dương tương đương với kế phát tính choáng ngất, có thể thấy ở viêm màng não tủy lây lan bạo phát, nhiễm trùng máu, nhiễm độc khuẩn lỵ khi có kèm phát sinh tuần hoàn suy kiệt. Trị thì nên hồi dương cứu nghịch, bổ khí cố thoát, thường dùng *Tứ nghịch thang* gia *Cát lâm sâm, Hoàng kỳ, Long cốt, Mẫu lệ, Ngũ vị tử*, và phối hợp châm cứu mà cứu chữa.

e. Ngoài ra do bệnh thấp nhiệt thương âm thương dương cơ thể tạng phủ hư nhược, công năng mất điều hòa, cho nên sau khi khỏi bệnh, thường phô bày ra các loại trạng thái hư nhược. Do công năng tạng phủ mất điều nên sản sinh ra đờm, có thể vướng tắc thanh khiếu (vướng bí ở những chỗ máu chốt của sự trong sạch), vướng tắc kinh lạc, dẫn đến hôn mê bất tỉnh, ngây dại, bại liệt, câm điếc, chảy dãi, đại tiểu tiện không cảm, là những di chứng. Đối với bệnh lành rồi, hoặc có di chứng, khi chữa cần kết hợp với biện chứng tạng phủ, hoặc bổ ích khí huyết âm dương của tạng phủ, hoặc dùng phương pháp hóa đờm, khai khiếu thông lạc và phối hợp dùng phép châm cứu mà chữa.

C. Tóm tắt vệ khí doanh huyết biện chứng luận trị

Bài này giới thiệu lý luận biện chứng trị liệu bệnh sốt thời khí (ôn nhiệt bệnh) với 4 yếu điểm vệ, khí, doanh, huyết, và phương pháp biện chứng trị liệu của 4 giai đoạn bệnh sốt thời khí. Về mặt biện chứng, thiết chẩn chiếm địa vị trọng yếu. Xem biến hóa rêu lưỡi có thể phân riêng ra vùng bệnh ở vệ phần hoặc khí phần, đồng thời có thể lấy để phán đoán tân dịch còn hay mất. Xem biến hóa chất lưỡi có thể phân riêng ra bệnh tại doanh phần hoặc huyết phần, đồng thời có thể biện rõ âm dịch thịnh hay suy. Đối với bệnh sốt thời khí, trong các giai đoạn khác nhau có xuất hiện chứng trạng như phát sốt, miệng khát, ra mồ hôi, ban chẩn, bạch ám, hôn mê, co quắp... khi học tập cần tiến hành so sánh phân biệt biết được những đặc điểm riêng khác nhau của nó, sẽ có giúp đỡ rất nhiều cho chẩn đoán. Nắm lấy mặt phát sốt mà nói, có phát sốt mà sợ lạnh, phát sốt đêm nặng hơn, sốt nóng lòng bàn chân bàn tay, đêm sốt sớm mát là nhiều loại hình sốt khác nhau. Loại hình sốt khác nhau thì chẩn đoán bệnh chứng và trị liệu cũng khác nhau. Cần kết hợp Tây y để xử trí.

Về mặt trị liệu, cần chú ý đến đặc trưng "nhiệt hóa" là đặc trưng chung của bệnh sốt thời khí. Ngoài phong hàn biểu chứng và chứng vong dương ra, bệnh đó nhất loạt cấm dùng vị thuốc tân, ôn, nhiệt. Nhiệt tà dễ thương âm, lúc chữa tất cần bảo hộ âm dịch từng giờ, từng phút. Thấp tà dễ thương dương khí, trị bệnh có thấp rõ ràng, không thể dùng quá mức loại thuốc khổ, hàn (đắng, lạnh) và không thể dùng nhầm thuốc béo bổ.

Nay đem các yếu điểm biện chứng luận trị về vệ, khí, doanh, huyết quy nạp lại thành bảng như sau, (bảng 23).

Bảng 23: Bảng yếu điểm biện chứng luận trị về vệ khí doanh huyết trong bệnh sốt thời khí (ôn nhiệt bệnh)

	Bệnh phần vệ	Bệnh phần khí	Bệnh phần doanh	Bệnh phần huyết
Bát cương biện chứng	Biểu	Lý	Lý	Lý
Nơi có bệnh biến	Phế vệ, tứ chi đầu mặt, mũi họng	Phế, tỳ, vị, đại trường, đâm	Tâm, can	Tâm, can, thận
Chủ chứng	Rêu lưỡi trắng, mạch phù, phát sốt sợ lạnh, đầu đau, mình đau, mũi tắc, ho hắng, chứng trạng phế vệ	Lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch hồng sắc, hoặc mạch trầm thực, phát sốt không sợ lạnh, tiện bí, vàng da, ho hắng, là chứng của lục phủ và phế, tỳ.	Lưỡi đỏ tía, ít rêu hoặc không rêu, mạch trầm tế sắc, phát sốt về đêm nặng dữ, ban chẩn ẩn hiện, thần trí nửa hôn trầm, nói nhảm, hoặc co quắp là chứng trạng của tâm, can.	Lưỡi tía tím, không rêu, mạch tế sắc, phát sốt về đêm nặng dữ, ban chẩn rõ rệt, thần mờ mệt, co quắp, các loại xuất huyết, chứng trạng của chân âm hao tổn.
Phép chữa	Giải biểu thanh nhiệt, tuyên phế	Thanh khí hóa thấp, tả hạ, hòa giải, sinh tân.	Thanh doanh khái khiếu, tức phong.	Lương huyết chỉ huyết, tư âm, tức phong.

Phương tế thường dùng	Ngân kiều tán, Tang cúc ẩm, Tân gia hương nhu ẩm, Tam nhân thang gia vị, Hạnh tô tán, Tang hạnh thang, Ma hoàng thang, Quế chi thang	Bạch hổ thang, Ma hạnh thạch cam thang, Đại thừa khí thang, Đại, tiêu sài hồ thang, Cam lộ tiêu độc ẩm.	Thanh doanh thang, An cung ngưu hoàng hoàn, Chí bảo đan, Tử tuyết đan, Chỉ kinh tán.	Tê giác địa hoàng thang. Thanh ôn bại độc tán, Gia giảm Phục mạch thang, Thanh cao miết giáp thang, Tam giáp phục mạch thang.
------------------------------	--	---	--	---

D. Các bài thuốc dùng trong ôn nhiệt bệnh

1. Bệnh phần Vệ

a. Ngân kiều tán

<i>Ngân hoa</i>	1 lạng,	<i>Liên kiều</i>	1 lạng,
<i>Đậu xị</i>	5 đồng cân,	<i>Ngưu bàng tử</i>	6 đồng cân,
<i>Kinh giới</i>	4 đồng cân,	<i>Bạc hà</i>	6 đồng cân,
<i>Cát cánh</i>	6 đồng cân,	<i>Sinh cam thảo</i>	5 đồng cân,
<i>Trúc diệp</i>	4 đồng cân.		

Mỗi lần uống 6 đồng cân, gia vào 2 nhánh *Lô căn tươi* sắc lên thấy bay mùi thơm ra thì lấy uống, không đun quá vì nó dễ bay mất hơi.

- Bệnh nặng, ngày uống 3 lần, và đêm 1 lần.
- Bệnh nhẹ, ngày uống 2 lần, đêm 1 lần.

b. Tân gia hương nhu ẩm

<i>Hương nhu</i>	2 đồng cân,	<i>Bạch biển đậu</i>	6 đồng cân,
<i>Hậu phác</i>	2 đồng cân,	<i>Kim ngân hoa</i>	3 đồng cân,
<i>Liên kiều</i>	3 đồng cân.		

c. Hạnh tô tán

<i>Tử tô</i>	3 đồng cân,	<i>Sinh khương</i>	2 đồng cân,
<i>Khổ hạnh nhân</i>	3 đồng cân,	<i>Tiền hồ</i>	3 đồng cân,
<i>Cát cánh</i>	3 đồng cân,	<i>Trần bì</i>	1 đồng cân,
<i>Chỉ xác</i>	2 đồng cân,	<i>Chế bán hạ</i>	3 đồng cân,
<i>Phục linh</i>	3 đồng cân,	<i>Đại táo</i>	5 quả,
<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân.		

d. Tang hạnh thang

<i>Tang diệp</i>	3 đồng cân,	<i>Hạnh nhân</i>	3 đồng cân,
<i>Sa sâm</i>	3 đồng cân,	<i>Tượng bối mẫu</i>	3 đồng cân,
<i>Đậu xị</i>	3 đồng cân,	<i>Sơn chi</i>	1,5 - 3 đồng cân,
<i>Lê bì</i>	lượng vừa phải.		

đ. Thanh táo cứu phế thang

<i>Tang diệp</i>	3 đồng cân,	<i>Thạch cao</i>	5 đồng cân – 1 lạng,
<i>Nhân sâm</i> (nhất thiết đều dùng <i>Hải nhi sâm</i> hoặc <i>Sa sâm</i>) trên dưới 3 đồng cân,			
<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân,	<i>Sa nhân</i>	3 đồng cân,
<i>A giao</i>	2 - 3 đồng cân,	<i>Mạch đông</i>	3 đồng cân,
<i>Hạnh nhân</i>	3 đồng cân,	<i>Tỳ bà diệp</i>	3 đồng cân.

e. Ma hoàng thang

<i>Ma hoàng</i>	1-3 đồng cân,	<i>Quế chi</i>	1-3 đồng cân,
<i>Hạnh nhân</i>	3 đồng cân,	<i>Cao thảo</i> (chích)	1 đồng cân.

g. Kinh phòng giải biểu thang (kinh phòng bại độc tán)

<i>Kinh giới</i>	3 đồng cân,	<i>Phòng phong</i>	3 đồng cân,
<i>Sài hồ</i>	3 đồng cân,	<i>Xuyên khung</i>	2 đồng cân,
<i>Khương hoạt</i>	2 đồng cân,	<i>Phục linh</i>	3 đồng cân,
<i>Cát cánh</i>	2 đồng cân,	<i>Tiền hồ</i>	3 đồng cân,
<i>Chỉ xác</i>	3 đồng cân,	<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân,
<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân,	<i>Sinh khương</i>	3 lát,

Bạc hà thêm vào một ít.

h. Quế chi thang

<i>Quế chi</i>	1,5 – 3 đồng cân,	<i>Bạch thược dược</i>	2 – 3 đồng cân,
<i>Chích cam thảo</i>	1 – 2 đồng cân,	<i>Sinh khương</i>	2 – 4 lát,
<i>Đại táo</i>	4 – 6 quả.		

2. Bệnh phần Khí

a. Bạch hổ thang (Thạch cao tri mẫu thang)

<i>Thạch cao</i>	1 – 3 lạng,	<i>Tri mẫu</i>	5 đồng cân,
<i>Cam thảo</i>	1 - 2 đồng cân,	<i>Canh mễ</i> (gạo mùa)	1 lạng.

b. Vương thị thanh thử ích khí thang

<i>Đạm trúc diệp</i>	2 đồng cân,	<i>Hà anh</i>	5 đồng cân,
<i>Tây qua bì</i>	1 lạng,	<i>Thạch học</i>	3 đồng cân,
<i>Tri mẫu</i>	2 đồng cân,	<i>Hoàng liên</i>	1 đồng cân,
<i>Mạch đông</i>	3 đồng cân,	<i>Tây dương sâm</i>	1,5 đồng cân,
<i>Canh mễ</i>	3 đồng cân,	<i>Cam thảo</i>	2 đồng cân.

c. Đại thừa khí thang

Đại hoàng 2 – 4 đồng cân,
Mang tiêu (hiện dùng *Huyền minh phấn* là thứ tinh chế của *Mang tiêu*) từ 3 – 5 đồng cân,
Hậu phác 3 – 4 đồng cân, *Chỉ thực* 2 – 4 đồng cân.

Đun trước *Chỉ thực* và *Hậu phác* sôi chừng hơn 10 phút, bỏ thêm *Đại hoàng*. Giữ sôi dầm ba dạo, sau đó bỏ bã, lại bỏ *Mang tiêu* hoặc *Huyền minh phấn* vào thì có thể uống được.

- Nhất thiết trước hết uống nước sắc đầu khi mà 2, 3 giờ sau chưa thấy tả hạ mới lại uống lần thứ hai.

- Nếu đã đại tiện được dễ dàng thì thuốc còn lại không uống nữa.

d. Cam lộ tiêu độc ẩm

Hoắc hương 3 đồng cân, *Bạch đậu khấu* 1 đồng cân,
Hoàng cầm 4 đồng cân, *Nhân trần khạo* 5 đồng cân,
Hoạt thạch 6 đồng cân, *Mộc thông* 2 đồng cân,
Liên kiều 4 đồng cân, *Xuyên bối mẫu* 2 đồng cân,
Xạ can 3 đồng cân, *Xương bồ* 2 đồng cân,
Bạc hà 1 đồng cân, hậu hạ (cho vào sau).

đ. Cẩm liên thang (Cát căn cẩm liên thang)

Cát căn 6 đồng cân, *Hoàng cầm* 3 đồng cân,
Hoàng liên 2 đồng cân, *Cam thảo* 2 đồng cân.

e. Sài cát giải cơ thang

Sài hồ 1 - 3 đồng cân, *Cát căn* 2 - 4 đồng cân,
Khương hoạt 2 - 4 đồng cân, *Bạch chỉ* 1 đồng cân,
Cát cánh 1 - 2 đồng cân, *Hoàng cầm* 2 - 4 đồng cân,
Cam thảo 1 - 2 đồng cân, *Xích thực dược* 2 - 3 đồng cân,
Thạch cao 5 đồng cân đến 1 lượng.

g. Tiểu sài hồ thang

Sài hồ 2 - 4 đồng cân, *Hoàng cầm* 1,5 – 3 đồng cân,
Bán hạ 2 - 3 đồng cân, *Chích cam thảo* 1 - 2 đồng cân,
Nhân sâm hoặc *Đảng sâm* 3 – 4 đồng cân,
Gừng sống 2 - 4 lát, *Đại táo* 4 - 6 quả.

3. Bệnh phân Doanh

a. Thanh doanh thang

Tê giác 0,3 - 1 đồng cân, *Sinh địa* 5 - 10 đồng cân,

<i>Huyền sâm</i>	2 - 4 đồng cân,	<i>Trúc điệp tâm</i>	1 - 2 đồng cân,
<i>Ngân hoa</i>	3 – 5 đồng cân,	<i>Liên kiều</i>	2 - 3 đồng cân,
<i>Hoàng liên</i>	1 - 2 đồng cân,	<i>Đảng sâm</i>	2 - 5 đồng cân,
<i>Mạch đông</i>	2 – 4 đồng cân.		

b. Tử tuyết đan

Kim bạc, Hàn thủy thạch, Tử thạch, Thạch cao, Tê giác, Linh dương giác, Thanh mộc hương, Trầm hương, Huyền sâm, Thăng ma, Cam thảo, Đinh hương, Phác tiêu, Tiêu thạch, Xạ hương, Chu sa (trong danh sách không ghi tế lượng của từng vị).

c. An cung ngưng hoàng hoàn

<i>Ngưu hoàng</i>	1 lạng,	<i>Uất kim</i>	1 lạng,
<i>Tê giác</i>	1 lạng,	<i>Hoàng liên</i>	1 lạng,
<i>Chu sa</i>	1 lạng,	<i>Sơn chi</i>	1 lạng,
<i>Hùng hoàng</i>	1 lạng,	<i>Hoàng cầm</i>	1 lạng,
<i>Băng phiến</i>	2,5 đồng cân,	<i>Trân châu</i>	5 đồng cân,
<i>Xạ hương</i>	2, 5 đồng cân.		

d. Chí bảo đan

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng,	<i>Chu sa</i>	1 lạng,
<i>Xạ hương</i>	1 đồng cân,	<i>Chế Nam tinh</i>	3,5 đồng cân,
<i>Thiên trúc hoàng</i>	1 lạng,	<i>Tê giác</i>	1 lạng,
<i>Băng phiến</i>	1 đồng cân,	<i>Ngưu hoàng</i>	5 đồng cân,
<i>Hổ phách</i>	1 lạng,	<i>Hùng hoàng</i>	1 lạng,
<i>Đại mại</i>	1 lạng.		

(Phương gốc lại có *An tức hương, Kim bạc, Nhân bạc*, là 3 thứ thuốc trong thuốc chế sẵn ở vùng Thượng Hải bán ra, đã giảm bỏ không dùng).

Các vị trên nghiền nhỏ mịn, trộn đều, thêm mật nấu 20-30% trộn làm viên, mỗi tế lượng như trên làm thành 240 viên. Ngày uống 1-2 viên, dùng nước sôi để nguội hòa tan mà uống, chia làm 2 – 4 lần.

d. Chỉ kinh tán

Toàn yết, Ngô công.

Các vị bằng nhau, nghiền nhỏ, hợp thành tán tế để sẵn dùng.

Mỗi lần uống 3 – 5 phân, ngày uống 2 – 4 lần. Nước sôi để ấm ngóáy đều uống, trẻ em căn cứ tuổi tác liệu chừng giảm bớt.

4. Bệnh phần Huyết

a. Tê giác địa hoàng thang

Tê giác	3 phân đến 1 đồng cân,
Sinh địa hoàng	5 đồng cân đến 1 lạng,
Xích thược dược	2 – 4 đồng cân,
Đan bì	2 – 4 đồng cân.

b. Thanh ôn bại độc ẩm

Thạch cao	2 lạng,		
Sinh địa hoàng	5 đồng cân đến 1 lạng,		
Xích thược dược	2 – 4 đồng cân,		
Đan bì	2 – 4 đồng cân,		
Tê giác	3 phân đến 1 đồng cân,		
Hoàng liên	1 – 3 đồng cân,		
Chi tử	2 – 4 đồng cân,	Cát cánh	1 – 2 đồng cân,
Hoàng cầm	2 – 4 đồng cân,	Tri mẫu	2 – 4 đồng cân,
Huyền sâm	2 – 4 đồng cân,	Liên kiều	2 – 4 đồng cân,
Cam thảo phần	8 phân đến 1,5 đồng cân,		
Trúc diệp	1 – 2 đồng cân.		

Thạch cao sắc trước, sau khi đun sôi được hơn 10 phút, lại bỏ các vị thuốc khác vào.

Tê giác mài với nước uống thêm vào, hoặc dùng lấy một phân *Ngưu hoàng nhân tạo*, hoặc 1 lạng *sừng trâu* dùng thay.

c. Ngọc nữ tiến

<i>Thạch cao</i>	1 – 2 lạng,	<i>Mạch đông</i>	2 – 4 đồng cân,
<i>Tri mẫu</i>	2 – 3 đồng cân,	<i>Ngưu tất</i>	2 – 4 đồng cân,
<i>Thục địa</i>	4 đồng cân đến 1 lạng.		

d. Phục mạch thang (Chích cam thảo thang)

<i>Chích cam thảo</i>	3 đồng cân,	<i>Đảng sâm</i>	2 đồng cân,
<i>Sinh địa hoàng</i>	1 lạng,	<i>A giao</i>	3 đồng cân,
<i>Mạch đông</i>	3 đồng cân,	<i>Ma nhân</i>	3 đồng cân,
<i>Quế chi</i>	2 đồng cân,	<i>Sinh khương</i>	3 đồng cân,
<i>Đại táo</i>	6 quả.		

Gia giảm Phục mạch thang: Lấy thang *Phục mạch* gia giảm vào như sau:

Bỏ đi các vị: *Sinh khương, Quế chi, Đảng sâm, Đại táo.*

Thêm vào: *Bạch thược.*

đ. Hồi dương cứu nghịch thang

<i>Thục phụ tử</i>	3 đồng cân,	<i>Nhục quế</i>	1 đồng cân,
<i>Can khương</i>	1,5 đồng cân,		
<i>Cát lâm sâm</i>	3 đồng cân (hãm riêng),		
<i>Xạ hương</i>	3 ly (cho vào lúc uống),		
<i>Ngũ vị tử</i>	2 đồng cân,	<i>Trần bì</i>	1 đồng cân,
<i>Pháp bán hạ</i>	3 đồng cân,	<i>Phục linh</i>	3 đồng cân,
<i>Bạch truật</i>	3 đồng cân,	<i>Chích cam thảo</i>	1 đồng cân.

e. Tam nhân thang

<i>Hạnh nhân</i>	3 đồng cân,		
<i>Bạch khấu nhân</i>	8 phân đến 1,5 đồng cân,		
<i>Dĩ nhân</i>	3 – 5 đồng cân,	<i>Hậu phác</i>	1 – 2 đồng cân,
<i>Thông thảo</i>	1 đồng cân,	<i>Hoạt thạch</i>	3 – 5 đồng cân,
<i>Trúc diệp</i>	1 – 3 đồng cân,	<i>Chế bán hạ</i>	1,5 – 3 đồng cân.

g. Cam lộ tiêu độc ẩm: xem ở phần khí.

h. Tam giáp phục mạch thang

<i>Mấu lễ</i>	1 lạng,
<i>Miết giáp</i>	5 đồng cân đến 1 lạng,
<i>Chích cam thảo</i>	3 đồng cân,
<i>Quy bản</i>	5 đồng cân đến 1 lạng,
<i>Sinh Bạch thược</i>	3 - 6 đồng cân,
<i>Đại Sinh địa</i>	5 đồng cân đến 1 lạng,
<i>Mạch đông</i>	3 – 6 đồng cân,
<i>Ma nhân</i>	3 đồng cân,
<i>A giao</i>	4 đồng cân.

i. Ô mai hoàn

<i>Tên vị</i>	<i>Tế lượng hoàn</i>	<i>Tế lượng thang</i>
<i>Ô mai nhục,</i>	9 lượng,	5 quả,
<i>Hoàng liên,</i>	16 lượng,	3 đồng cân,
<i>Hoàng bá,</i>	6 lượng,	3 đồng cân,
<i>Nhân sâm hoặc Đảng sâm,</i>	6 lượng,	3 đồng cân,
<i>Dương quy,</i>	4 lượng,	3 đồng cân,
<i>Chế phụ tử,</i>	6 lượng,	2 đồng cân,
<i>Quế chi,</i>	6 lượng,	2 đồng cân,
<i>Sao Xuyên tiêu,</i>	4 lượng,	2 đồng cân,
<i>Can khương,</i>	10 lượng,	2 đồng cân,
<i>Tế tân,</i>	6 lượng,	1 đồng cân.

Cách chế hoàn tễ: *Ô mai nhục* dùng giấm 50% ngâm 1 đêm, giã nát, hòa vào số thuốc còn lại giã đều, sấy hoặc phơi khô, nghiền thành bột nhỏ mịn, thêm mật làm viên.

Mỗi lần uống 3 đồng cân, ngày uống 1 – 3 lần, uống lúc đói bụng.

Tế lượng thang tễ ghi trên là của Nam Khai Y viện.